

Số: 92 /2021 /QĐST- HNGĐ

*Triệu S, ngày 4 tháng 05 năm 2021*

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 84/2021/TLST/HNGĐ ngày 16 tháng 03 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Viết X, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Khu phố 6, thị trấn Nưa, huyện Triệu S, tỉnh Thanh H

Bị đơn: Chị Lê Thị Tsinh năm 1988

Địa chỉ: Xóm 9, xã Dân Quyền, huyện Triệu S, tỉnh Thanh H.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81; 82; 83 luật Hôn nhân gia đình.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, điểm 1.1, tiểu mục 1, mục II phần A danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 04 năm 2021.

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 4 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:**

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Viết X, sinh năm 1986.

Bị đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1988

**2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- *Về hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Viết X và chị Lê Thị T.

- *Về con chung*: Vợ chồng anh, chị có 01 con chung, tên cháu là Nguyễn Minh T1, sinh ngày 18/10/2019. Hiện nay cháu đang ở cùng chị T. Ly hôn vợ

chồng anh, chị thỏa thuận giao cháu Minh T1 cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh X có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng 1.500.000đ ( một triệu năm trăm nghìn đồng) kể từ tháng 4/2021 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản và phần nợ:* Vợ chồng anh, chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí:* Vợ chồng anh, chị thỏa thuận, anh X có nghĩa vụ nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn) anh X đã nộp theo biên lai số AA/2019/0013556 ngày 12 tháng 03 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn được trừ 150.000 tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

**3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

***Nơi nhận***

- Các đương sự
- VKS Triệu Sơn
- Chi cục thi hành án Triệu S
- UBND thị trấn Nưa
- Lưu hồ sơ

**THẨM PHÁN**

**Lê Thị Thủy**

